TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2023/DS-ST
Ngày: 25-8-2023
"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Vân

2. Ông Nguyễn Văn Tuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhớ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2023/TLST- DS ngày 17 tháng 5 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên toà số 91/2023/QĐST-DS ngày 03/8/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Th

Địa chỉ: 23 Đoàn Thị Đ, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn Ia Kh, huyện I, tỉnh Gia Lai. (Theo Giấy uỷ quyền ngày 17/5/2023). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị M và bà Nguyễn Thị Loan T

Địa chỉ: 326/16 Hùng V, tổ 1, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 12-5-2023 của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Minh H trình bày:

Ngày 11/7/2022 dương lịch (tức ngày 13/6/2022 âm lịch) bà Ngô Thị Th có cho bà Phạm Thị M (là mẹ bà T) và bà Nguyễn Thị Loan T vay số tiền 390.000.000 đồng, vay có lãi do hai bên tự thoả thuận là 1%/tháng, hẹn đến cuối năm 2022 sẽ trả toàn bộ cả gốc và lãi, tuy nhiên cuối năm 2022 mặc dù bà Th đã đòi nhiều lần nhưng bà M và bà T không trả nợ như thoả thuận. Nay bà Th yêu cầu Toà án buộc bà Phạm Thị M và bà Nguyễn Thị Loan T trả cho bà Ngô Thị Th số tiền 390.000.000 đồng nợ gốc và nợ lãi tính từ ngày 12/7/2022 dương lịch cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng.

2. Tại bản tự khai ngày 29 tháng 5 năm 2023 bị đơn bà Phạm Thị M trình bày: Bà thừa nhận bà và con gái Nguyễn Thị Loan T có vay của bà Ngô Thị Th 390.000.000 đồng vào ngày 13/6/2022 âm lịch. Nay bà Th khởi kiện thì bà đồng ý trả cho bà Th số tiền 390.000.000 đồng nợ gốc vào tháng 11 năm 2023 và xin bà Th cho bà tiền lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Loan T mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo đến hòa giải, nhưng vắng mặt không có lý do nên không có trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà bà Nguyễn Thị Loan T, bà Phạm Thị M khai vay số tiền 390.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, từ khi viết giấy vay cho đến nay chưa trả gốc và lãi, thừa nhận còn nợ số tiền 390.000.000 đồng nợ gốc, hiện tại đang gặp khó khăn nên xin trả dần 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ gốc và xin miễn tiền lãi.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo, bị đơn không chấp hành nên chưa đảm bảo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Th, buộc bị đơn bà Phạm Thị M và bà Nguyễn Thị Loan T phải trả cho bà Ngô Thị Th số tiền 390.000.000 đồng nợ gốc và nợ lãi theo yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà M và bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn là bà Ngô Thị Th khởi kiện bị đơn bà Phạm Thị M và bà Nguyễn Thị Loan T; địa chỉ: 326/16 Hùng V, tổ 1, phường H, thành phố P, tỉnh

Gia Lai yêu cầu bà M và bà T phải trả số tiền vay 390.000.000 đồng nợ gốc và tiền nợ lãi. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

[2] Bà Th cung cấp chứng cứ là *Giấy mượn tiền đề ngày 13-6-2022 âm lịch* để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà Th cho rằng Giấy mượn tiền này là do bà M, bà T viết ký tên; bà Th nhiều lần yêu cầu bà M, bà T trả nợ nhưng bà M, bà T không trả. Trong quá trình giải quyết vụ án bà M thừa nhận khoản nợ 390.000.000 đồng như bà Th khởi kiện. Tại phiên toà bà T, bà M thừa nhận nợ gốc là 390.000.000 đồng và thời hạn trả nợ theo Giấy mượn tiền đề ngày 13-6-2022 âm lịch. Như vậy việc bà T, bà M có vay số tiền 390.000.000 đồng của bà Th là có thật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Th thấy rằng: Giấy mượn tiền đề ngày *13-6-2022 âm lịch* (tức 11/7/2022 dương lịch) giữa bà Th và bà M, bà T là hợp đồng vay có lãi, có thời hạn, được giao kết hợp pháp, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung đã cam kết, nhưng do bà M, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên bà Th khởi kiện là có căn cứ. Bà M, bà T thừa nhận có nợ 390.000.000 đồng và xin bà Th trả dần 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ nhưng nguyên đơn không đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th, buộc bà M, bà T phải trả cho bà Th số tiền nợ gốc là 390.000.000 đồng theo quy định tại các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về nợ lãi: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn cho rằng lãi suất do hai bên thoả thuận là 1%/tháng, bị đơn cho rằng lãi suất thoả thuận là 3%/tháng. Nguyên đơn yêu cầu bà M và bà T trả lãi của số tiền vay từ ngày 12/7/2022 cho đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,83%/tháng, không đồng ý miễn lãi cho bị đơn. Xét trong giấy mượn tiền có thoả thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng lãi suất 10%/năm tương đương 0,83%/tháng, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận, nợ lãi là 390.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 1 năm 1 tháng 14 ngày = 43.591.600 đồng. Buộc bà M, bà T phải trả cho bà Th số tiền nợ lãi là 43.591.600 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Th được chấp nhận, nên bà M và bà T phải chịu 21.343.664 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Th

Buộc bà Phạm Thị M và bà Nguyễn Thị Loan T phải trả cho bà Ngô Thị Th số tiền là 433.591.600 đồng (trong đó nợ gốc là 390.000.000 đồng và nợ lãi là 43.591.600 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Phạm Thị M và bà Nguyễn Thị Loan T phải chịu 21.343.664 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Ngô Thị Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Ngô Thị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.447.400 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000292 ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp.Pleiku;
- Chi cục THADS Tp.Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thu